

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1484/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc “*Ly hôn*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị L, sinh năm 1984;

Căn cước công dân: ***** do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 25/8/2022.

Địa chỉ: 411/13/7 L, Phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn T, sinh năm 1972;

Căn cước công dân: ***** do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 29/9/2022.

Địa chỉ: 411/13/7 L, Phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 22 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 22 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn

và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị L, sinh năm 1984;

Căn cước công dân: ***** do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 25/8/2022.

Địa chỉ: 411/13/7 L, Phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn T, sinh năm 1972;

Căn cước công dân: ***** do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 29/9/2022.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Trương Văn T cùng thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 134/2009, quyền số 01/2008 do UBND phường 17, Quận G (nay là UBND Phường G), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2009 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có hai con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 01/8/2003 và Trương Minh T, sinh ngày 28/01/2007. Hai con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng mỗi bên chịu một nửa. Bà Võ Thị L thỏa thuận chịu thay toàn bộ án phí cho ông T và được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0054690 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà L 150.000 đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 7 - TPHCM;
- THADS TPHCM;
- UBND Phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 134/2009, quyền số 01/2008 cấp ngày 13/7/2009);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo